

Số: /2026/QĐ-UBND
(DỰ THẢO)

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 52/2024/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 145/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn các nội dung đặc thù khi áp dụng phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trong định giá nước sạch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông Nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày / /2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Ban hành Quy định hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành Quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2026 và thay thế Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 15/4/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (cũ) và Quyết định số 3757/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quy định trách nhiệm trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2. Khi văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và QLXLVPHC);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Vụ pháp chế, Cục QL và XD CT Thủy lợi);
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP HĐND, VP ĐĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDL Quốc gia về pháp luật);
- Trung tâm Thông tin – Hội nghị tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Nam

(DỰ THẢO)

QUY ĐỊNH

Hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2026/QĐ-UBND ngày.....thángnăm 2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, cung cấp nước sạch, bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung; tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng nước sạch (sau đây gọi chung là khách hàng sử dụng nước) và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Khuyến khích các đối tượng sử dụng nước từ mạng lưới cấp nước độc lập áp dụng quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nước sạch là nước đã qua xử lý, có chất lượng bảo đảm, đáp ứng yêu cầu sử dụng.

2. Sản xuất nước sạch là quá trình khai thác nguồn nước dưới đất (nước ngầm) hoặc nguồn nước mặt trên sông qua xử lý sản xuất ra nước sạch.

3. Hệ thống cấp nước sạch tập trung là một hệ thống bao gồm các công trình khai thác, xử lý nước, mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch đến khách hàng sử dụng nước và các công trình phụ trợ có liên quan.

4. Công trình phụ trợ là các công trình hỗ trợ cho việc quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa đối với hệ thống cấp nước như sân, đường, nhà xưởng, tường rào, trạm biến áp, các loại hố van, hộp đồng hồ, họng cứu hỏa...

5. Thiết bị đo đếm nước là thiết bị đo lưu lượng, áp lực bao gồm các loại đồng hồ đo nước, đồng hồ đo áp lực và các thiết bị, phụ kiện kèm theo.

6. Hoạt động cấp nước là các hoạt động có liên quan trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, bao gồm: quy hoạch, tư vấn thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bán buôn nước sạch, bán lẻ nước sạch và sử dụng nước.

7. Đơn vị cấp nước là tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn nước sạch, bán lẻ nước sạch.

8. Đơn vị cấp nước bán buôn là đơn vị cấp nước thực hiện việc bán nước sạch cho một đơn vị cấp nước khác để phân phối, bán trực tiếp đến khách hàng sử dụng nước.

9. Đơn vị cấp nước bán lẻ là đơn vị cấp nước thực hiện việc bán nước sạch trực tiếp đến khách hàng sử dụng nước.

10. Khách hàng sử dụng nước là tổ chức, cá nhân và hộ gia đình mua nước sạch của đơn vị cấp nước.

11. Dịch vụ cấp nước là các hoạt động có liên quan của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực bán buôn nước sạch, bán lẻ nước sạch.

12. Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt là vùng phụ cận vị trí lấy nước sinh hoạt được quy định phải bảo vệ để phòng, chống ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt.

13. Hợp đồng cấp nước là văn bản đã hoàn thành đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, có nội dung thỏa thuận giữa đơn vị cấp nước và người sử dụng nước về quyền, nghĩa vụ, giá nước, phương thức thanh toán, điều kiện cấp nước, tạm ngừng, chấm dứt hoặc khôi phục cấp nước.

14. Trộm cấp nước: Là hành vi lấy nước trái phép không qua đồng hồ đo nước, tác động nhằm làm sai lệch chỉ số đo đếm của đồng hồ và các thiết bị khác có liên quan đến đo đếm nước, cố ý hoặc thông đồng ghi sai chỉ số đồng hồ và các hành vi lấy nước gian lận khác.

15. Sự cố cấp nước sạch bao gồm các yếu tố làm ảnh hưởng, gián đoạn quá trình cấp nước như: vỡ đường ống; hệ thống xử lý và thiết bị bị hư hỏng, nguồn nước bị ảnh hưởng, không đáp ứng nhu cầu xử lý; lưu lượng và áp lực không đáp ứng nhu cầu...hoặc bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thiên tai.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý công trình cấp nước sạch tập trung

1. Bảo đảm quản lý thống nhất, sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch, phát huy tối đa công suất thiết kế và hiệu quả đầu tư công trình cấp nước sạch tập trung.

2. Việc khai thác, quản lý, xây dựng công trình cấp nước phải tuân thủ quy hoạch cấp nước, quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh và các quy hoạch có liên quan.

3. Nước sạch cung cấp cho nhân dân phải đạt quy chuẩn chất lượng, ổn định, liên tục; không để xảy ra ô nhiễm hoặc gián đoạn kéo dài, trừ trường hợp bất khả kháng.

4. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch tập trung theo cơ chế xã hội hóa, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và người sử dụng. Các đơn vị cấp nước được nhà nước ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật.

5. Các công trình cấp nước sạch được đầu tư bằng vốn nhà nước phải được giao, cho thuê hoặc chuyển giao quyền quản lý, khai thác, vận hành theo đúng quy định của pháp luật về tài sản công, có phương án bảo trì, bảo vệ và báo cáo định kỳ theo quy định.

6. Hoạt động cấp nước sạch phải bảo đảm tiết kiệm tài nguyên nước, gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Quy hoạch cấp nước sạch

1. Quy hoạch cấp nước sạch là một bộ phận của quy hoạch hạ tầng kỹ thuật tỉnh; được lập, thẩm định, phê duyệt và công bố theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn liên quan, làm cơ sở cho các hoạt động cấp nước tiếp theo.

2. Mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động cấp nước phải tuân theo quy hoạch cấp nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện cập nhật, điều chỉnh quy hoạch cấp nước khi có biến động về dân cư, nguồn nước hoặc định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

CHƯƠNG II

SẢN XUẤT, CUNG CẤP NƯỚC SẠCH

Điều 5. Yêu cầu về nguồn nước thô và vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt

1. Việc khai thác, sử dụng nguồn nước thô cho công trình cấp nước sạch tập trung phải được cấp phép theo quy định của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15.

2. Nguồn nước thô được lựa chọn phải bảo đảm:

a) Chất lượng nguồn nước phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 08:2023/BTNMT về chất lượng nước mặt hoặc QCVN 09:2023/BTNMT về chất lượng nước dưới đất ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh.

b) Trữ lượng, lưu lượng ổn định, đáp ứng công suất thiết kế và nhu cầu cấp nước tối thiểu theo quy định.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước để sản xuất, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt phải thực hiện việc quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Điều 51 Luật số 28/2023/QH15 được sửa đổi bởi khoản 6 Điều 10 Luật số 146/2025/QH15.

4. Việc xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Mục II Chương II Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT.

5. Nghiêm cấm các hành vi xả nước thải, đưa các chất thải vào vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo Điều 8 Luật số 28/2023/QH15 được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 10 Luật số 146/2025/QH15.

Điều 6. Hệ thống công trình cấp nước và điểm đầu nối cấp nước

1. Hệ thống công trình cấp nước gồm: công trình khai thác, trạm xử lý, bể chứa, trạm bơm nước, mạng lưới đường ống truyền tải và phân phối, thiết bị đo đếm và công trình phụ trợ.

2. Việc thiết kế, xây dựng, cải tạo hệ thống cấp nước phải tuân thủ các quy định về quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

3. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư đồng bộ từ nhà máy, đường ống truyền tải và phân phối đến điểm đầu nối của khách hàng sử dụng nước bao gồm

cả đồng hồ đo nước. Trường hợp đồng hồ đo nước được lắp đặt sau điểm đầu nối đã được xác định thì chi phí vật tư, lắp đặt từ điểm đầu nối đến điểm lắp đặt đồng hồ do khách hàng sử dụng nước chi trả sau khi đã có thỏa thuận với đơn vị cấp nước.

4. Đơn vị cấp nước thiết lập điểm đầu nối theo quy định tại Điều 39 Nghị định 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và đảm bảo chất lượng dịch vụ tại điểm đầu nối theo quy định tại Điều 40 Nghị định 117/2007/NĐ-CP.

5. Thỏa thuận đầu nối giữa khách hàng sử dụng nước và đơn vị cấp nước căn cứ theo quy định tại Điều 42 Nghị định 117/2007/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 124/2011/NĐ-CP.

6. Các trường hợp miễn trừ đầu nối căn cứ theo quy định tại Điều 43 Nghị định 117/2007/NĐ-CP.

7. Việc di dời hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước (trừ phần thuộc phạm vi của khách hàng sử dụng nước) do đơn vị cấp nước thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Di dời để phù hợp với nhu cầu xây dựng, quy hoạch các công trình đô thị như: Nhà, đường, cầu cảng, công trình thoát nước, điện lực, bưu chính viễn thông, công trình chỉnh trang đô thị... theo dự án xây dựng, quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Chi phí di dời nằm trong tổng mức chi phí của dự án (Trừ trường hợp có thỏa thuận khác).

b) Di dời theo yêu cầu của khách hàng sử dụng nước và phù hợp với các điều kiện quản lý mạng cấp nước của đơn vị cấp nước. Trường hợp này, chi phí di dời do khách hàng sử dụng nước chịu trách nhiệm thanh toán cho đơn vị cấp nước theo định mức, đơn giá tại thời điểm yêu cầu.

Điều 7. Lắp đặt, kiểm định và chi phí kiểm định thiết bị đo đếm nước

1. Lắp đặt thiết bị đo đếm nước

a) Điểm lắp đặt đồng hồ đo nước được quy định tại Điều 41 Nghị định 117/2007/NĐ-CP;

b) Đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư và lắp đặt toàn bộ các thiết bị đo đếm và thiết bị phụ trợ khác, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

c) Thiết bị đo đếm nước phải phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam và được cơ quan quản lý nhà nước về đo lường kiểm chuẩn và niêm phong.

d) Trách nhiệm của đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước đối với việc sử dụng và bảo vệ thiết bị đo đếm nước được quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 49 Nghị định 117/2007/NĐ-CP.

2. Kiểm định và chi phí kiểm định thiết bị đo đếm nước căn cứ theo quy định tại Điều 50 Nghị định 117/2007/NĐ-CP.

3. Thay đồng hồ đo nước

a) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng, chỉ có đơn vị cấp nước mới được quyền sửa chữa, thay thế đồng hồ mới; chịu trách nhiệm việc kiểm định đồng hồ đo nước.

b) Trường hợp mất, hư hỏng đồng hồ đo nước do lỗi của khách hàng sử dụng nước, đơn vị cấp nước thay đồng hồ đo nước khác. Chi phí thay thế đồng hồ đo nước do khách hàng sử dụng nước thanh toán theo thỏa thuận.

c) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng hoặc vì lý do khách quan mà chì niêm phong bị đứt, khách hàng sử dụng nước phải thông báo ngay cho đơn vị cấp nước biết để tiến hành kiểm tra, bấm chì hoặc thay đồng hồ đo nước khác. Chi phí thay thế đồng hồ đo nước do đơn vị cấp nước thanh toán.

Điều 8. Cấp nước phòng cháy, chữa cháy

1. Các hạng cứu hỏa phải bảo đảm luôn luôn có nước với áp lực tối thiểu theo tính toán của mạng lưới đường ống.

2. Các hành vi xâm phạm, gây thiệt hại đến hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy; các hành vi gây cản trở, trì hoãn việc lấy nước phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy sẽ bị xử lý theo Nghị định số 106/2025/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Điều 9. Hợp đồng dịch vụ cấp nước

1. Hợp đồng dịch vụ cấp nước được quy định tại Điều 44 Nghị định 117/2007/NĐ-CP.

2. Việc chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước được quy định tại Điều 46 Nghị định 117/2007/NĐ-CP.

Điều 10. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cấp nước

Đơn vị cấp nước có trách nhiệm xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố (sụt lún, vỡ ống, ô nhiễm nguồn nước, hỏa hoạn, thiên tai...) Khi xảy ra sự cố, trong trường hợp cần thiết, đơn vị cấp nước dừng hoạt động của công trình cấp nước đồng thời thực hiện quy trình kiểm soát và ứng phó theo quy định.

Điều 11. Tạm ngừng và khôi phục cấp nước

1. Đơn vị cấp nước được phép tạm ngừng cấp nước trong các trường hợp:

a) Thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình.

b) Sự cố kỹ thuật, thiên tai, mất điện, ô nhiễm nguồn nước hoặc lý do bất khả kháng.

c) Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

d) Khách hàng sử dụng nước yêu cầu vì các lý do như tạm vắng, tạm dừng sản xuất, kinh doanh trong một thời gian nhất định nhưng không chấm dứt hợp đồng dịch vụ cấp nước hoặc khách hàng sử dụng nước vi phạm hợp đồng hoặc không thanh toán tiền nước đúng hạn.

2. Khi có kế hoạch tạm ngừng cấp nước, đơn vị cấp nước có trách nhiệm thông báo (bằng phương tiện thông tin đại chúng hoặc tin nhắn hoặc bảng tin cấp thôn) cho khách hàng sử dụng nước về thời gian ngừng cấp nước và thời gian dự kiến cấp nước trở lại. Sau khi nguyên nhân tạm ngừng được khắc phục, đơn vị cấp nước phải khôi phục ngay việc cấp nước.

Điều 12. Chất lượng nước và kiểm soát chất lượng nước

1. Chất lượng nước sạch được quy định cụ thể tại Điều 4 Nghị định 117/2007/NĐ-CP.

2. Kiểm soát chất lượng nước

a) Đơn vị cấp nước thực hiện kiểm tra, lấy mẫu, xét nghiệm định kỳ chất lượng nước theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Lưu trữ và báo cáo kết quả xét nghiệm định kỳ theo quy định; Lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, khắc phục ngay khi phát hiện chỉ tiêu không đạt quy chuẩn; Khi có sự cố làm ảnh hưởng đến chất lượng nước, phải dừng cấp nước, thông báo cho chính quyền địa phương và cơ quan chuyên môn, đồng thời tổ chức khắc phục và chỉ cấp lại khi nước đạt quy chuẩn.

b) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở xây dựng và UBND xã, phường kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất chất lượng nước sạch; phối hợp chỉ đạo dừng cấp nước khi có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe nhân dân.

CHƯƠNG III

SỬ DỤNG VÀ THANH TOÁN TIỀN NƯỚC

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng nước

1. Khách hàng sử dụng nước có các quyền lợi được quy định tại khoản 1, Điều 56 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

2. Khách hàng sử dụng nước có các nghĩa vụ sau:

a) Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng dịch vụ cấp nước;

b) Sử dụng nước tiết kiệm;

c) Thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản;

d) Tạo điều kiện để đơn vị cấp nước kiểm tra, ghi chỉ số của đồng hồ đo nước;

đ) Bảo đảm các trang thiết bị sử dụng nước đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với đặc tính kỹ thuật trang thiết bị của đơn vị cấp nước;

e) Bồi thường khi gây thiệt hại cho đơn vị cấp nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Thay đổi mục đích sử dụng nước

1. Khách hàng sử dụng nước có nhu cầu thay đổi mục đích sử dụng nước đã đăng ký phải đăng ký lại với đơn vị cấp nước để áp giá tiêu thụ nước phù hợp với mục đích sử dụng nước thực tế.

2. Trường hợp khách hàng sử dụng nước sử dụng nước không chỉ cho sinh hoạt mà còn cho sản xuất, kinh doanh hoặc mục đích khác thì lượng nước sử dụng sẽ được tính cho sản xuất, kinh doanh hoặc mục đích khác.

3. Trường hợp khách hàng sử dụng nước thay đổi mục đích sử dụng nước mà không đăng ký lại với đơn vị cấp nước thì đơn vị cấp nước được quyền áp giá tiêu thụ nước theo mục đích sử dụng thực tế kể từ kỳ đơn vị cấp nước phát hiện khách hàng sử dụng nước thay đổi mục đích sử dụng nước và có văn bản thông báo đến khách hàng sử dụng nước.

4. Trường hợp khách hàng sử dụng nước chuyển giao quyền sử dụng đồng hồ đo nước cho khách hàng sử dụng nước khác thì khách hàng sử dụng nước mới phải ký kết lại hợp đồng dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước.

5. Trường hợp hộ gia đình, đơn vị, tổ chức được chia tách thành nhiều chủ thể sử dụng khác nhau thì mỗi chủ thể sử dụng thuộc hộ gia đình, đơn vị, tổ chức đó đều có quyền sử dụng chung đồng hồ nước đã được lắp đặt cho đến khi được lắp đặt đồng hồ đo nước riêng.

Điều 15. Phương pháp xác định lượng nước tiêu thụ

1. Lượng nước sử dụng bằng hiệu số của chỉ số đồng hồ đo nước giữa hai kỳ đọc. Đơn vị để tính lượng nước sử dụng là mét khối (m³). Việc đọc chỉ số đồng hồ đo nước theo chu kỳ quản lý của đơn vị cấp nước.
2. Trường hợp đồng hồ hư hỏng, lượng nước được tạm tính theo mức sử dụng trung bình của ba kỳ liền kề gần nhất.

Điều 16. Giá nước sạch

1. Nguyên tắc định giá nước sạch căn cứ thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư 145/2025/TT-BTC hướng dẫn các nội dung đặc thù khi áp dụng phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trong định giá nước sạch.
2. Cách thức xác định giá nước sạch được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2024/TT-BTC ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và các nội dung đặc thù được hướng dẫn tại Thông tư số 145/2025/TT-BTC và quy định khác có liên quan.
3. Phương pháp xác định giá thành của một (01) m³ nước sạch căn cứ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư 145/2025/TT-BTC.
4. Giá bán lẻ nước sạch được xác định theo Điều 7 Thông tư 145/2025/TT-BTC và quy định của UBND tỉnh.
5. Giá bán buôn nước sạch được xác định theo Điều 8 Thông tư 145/2025/TT-BTC và quy định của UBND tỉnh.

Điều 17. Điều chỉnh giá nước

1. Căn cứ lập, điều chỉnh giá nước thực hiện theo Điều 52 Nghị định 117/2007/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định 124/2011/NĐ-CP.
2. Lập và trình phương án giá nước căn cứ thực hiện theo Điều 53 Nghị định 117/2007/NĐ-CP.
3. Thẩm quyền quyết định giá nước căn cứ thực hiện theo Điều 54 Nghị định 117/2007/NĐ-CP.

Điều 18. Thanh toán tiền nước và xử lý vi phạm hợp đồng

1. Khách hàng sử dụng nước và đơn vị cấp nước thực hiện thanh toán tiền nước theo quy định tại Điều 48 Nghị định 117/2007/NĐ-CP.
2. Đơn vị cấp nước có thể ngừng dịch vụ cấp nước từ điểm đầu nối nếu khách hàng sử dụng nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, vi

phạm các quy định của Hợp đồng dịch vụ cấp nước sau 5 tuần kể từ khi có thông báo đến khách hàng sử dụng nước về việc ngừng dịch vụ cấp nước (đối với trường hợp khách hàng sử dụng nước là hộ gia đình sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt) và sau 15 ngày làm việc kể từ khi có thông báo đến khách hàng sử dụng nước về việc ngừng dịch vụ cấp nước (đối với trường hợp khách hàng sử dụng nước là đối tượng sử dụng nước khác); Đơn vị cấp nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho khách hàng sử dụng nước do những sai sót trong quá trình cung cấp dịch vụ không đúng với các điều khoản ghi trong Hợp đồng dịch vụ cấp nước. Khiếu nại của khách hàng sử dụng nước phải được gửi cho đơn vị cấp nước trong khoảng thời gian 10 ngày kể từ khi phát hiện sai sót. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại của khách hàng sử dụng nước.

CHƯƠNG IV

BẢO VỆ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH TẬP TRUNG

Điều 19. An toàn hệ thống công trình cấp nước sạch tập trung

1. Các hoạt động đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước sạch tập trung bắt buộc phải tuân thủ các quy định về yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu quản lý theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình cấp nước QCVN 07-1: 2023/BXD do Bộ Xây dựng ban hành tại Thông tư số 15/2023/TT-BXD ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2025/TT-BXD.

2. Trong hành lang an toàn hệ thống cấp nước sạch tập trung, nghiêm cấm những hành vi sau:

a) Xây dựng nhà cửa, lều lán, rào chắn, kho tàng, bến bãi, biển quảng cáo hay bất cứ công trình nào (kể cả xây dựng tạm thời).

b) Dừng, đỗ, lưu thông các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe cơ giới chuyên dùng... có tải trọng vượt quá tải trọng chịu tải của đường ống theo quy định. Trường hợp phương tiện vượt quá tải trọng chịu tải của đường ống theo quy định, muốn đi qua phải làm cầu chịu tải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Xả rác, chất thải, các loại hóa chất, đồ đất, đá, phế thải, vật liệu xây dựng.

d) Đào bới, lấy đất đá và các loại vật liệu thuộc hành lang an toàn đường ống và công trình cấp nước.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khi khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình khác có liên quan đến công trình cấp nước, hành lang an toàn công trình cấp nước phải có sự thỏa thuận với đơn vị cấp nước và tuân thủ Quy định này.

4. Mọi cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trước khi thi công các công trình có ảnh hưởng đến hành lang an toàn công trình cấp nước phải tuân theo các quy định sau:

a) Có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

b) Trực tiếp liên hệ với đơn vị cấp nước có liên quan về việc thi công.

c) Chỉ được khởi công khi đã thực hiện đầy đủ các biện pháp, đảm bảo an toàn cho công trình cấp nước có liên quan.

d) Khôi phục lại nguyên trạng các khu vực đã bị thay đổi sau khi đã hoàn thành công việc.

Điều 20. Bảo vệ khu xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước

1. Đơn vị cấp nước phải xây dựng tường rào bảo vệ khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước.

2. Đơn vị cấp nước phải thực hiện nghiêm ngặt chế độ đảm bảo vệ sinh môi trường trong khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước và các hồ chứa nước phục vụ cho khai thác, xử lý.

3. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến sự an toàn, vệ sinh của nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước và các hồ chứa nước, phục vụ cho khai thác, xử lý.

Điều 21. Bảo vệ mạng lưới đường ống truyền dẫn nước và các công trình phụ trợ

1. Hộ sử dụng nước có trách nhiệm cùng đơn vị cấp nước bảo vệ mạng lưới đường ống truyền dẫn nước, điểm đầu nối trước đồng hồ đo nước; khi phát hiện sự cố, các trường hợp rò rỉ nước từ mạng lưới đường ống cấp nước, hộ sử dụng nước có trách nhiệm báo ngay cho đơn vị cấp nước.

2. Nghiêm cấm hành vi: Tự ý đục tuyến ống nước thô hoặc đường ống truyền tải nước sạch; sử dụng nước trước đồng hồ đo nước, làm sai lệch đồng hồ đo nước, tự ý thay đổi vị trí, cỡ, loại đồng hồ đo nước; tự ý gỡ niêm phong, niêm chì của thiết bị đo đếm nước; các hành vi gây hư hại cho các công trình phụ trợ do đơn vị cấp nước quản lý.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm gây thiệt hại đến công trình và mạng lưới đường ống truyền dẫn nước phải chịu mọi phí tổn về việc sửa chữa, khắc phục hậu quả và bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 16/2022/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng; nếu gây hậu quả nghiêm trọng có thể bị xử lý hình sự theo quy định.

Điều 22. Các hành vi bị cấm trong hoạt động cấp nước

Các hành vi bị cấm trong hoạt động cấp nước được quy định tại Điều 10, Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Điều 23. Xử lý vi phạm và thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Xử lý vi phạm

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tùy từng trường hợp, hành vi vi phạm gây thiệt hại đến tài sản hoặc lợi ích hợp pháp của đơn vị cấp nước, hộ sử dụng nước hoặc các đối tượng khác liên quan.

b) Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Khoản 1 của Điều này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về sản xuất, cung cấp, sử dụng và bảo vệ công trình cấp nước tập trung còn bị cấm sản xuất, cung cấp hoặc sử dụng nước sạch.

2. Thẩm quyền xử lý vi phạm

a) Tùy theo mức độ vi phạm, Chủ tịch ủy ban nhân dân, thủ trưởng các sở ngành ban hành quyết định xử lý vi phạm theo thẩm quyền quy định hiện hành.

b) Đơn vị cấp nước có quyền tạm ngừng cung cấp nước, yêu cầu bồi thường đối với hành vi vi phạm hợp đồng dịch vụ cấp nước.

c) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khi phát hiện vi phạm có trách nhiệm thông báo, cung cấp thông tin kịp thời cho chính quyền hoặc đơn vị cấp nước để xử lý.

CHƯƠNG V

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 24. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Tổ chức lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt rà soát

quy hoạch cấp nước sạch khu vực nông thôn; tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch cấp nước sạch khu vực nông thôn theo quy hoạch cấp nước đã được phê duyệt; Trên cơ sở đồ án quy hoạch cấp nước đã được phê duyệt, bổ sung vào kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh và tổ chức quản lý bảo vệ quỹ đất đã được xác định phục vụ cho các công trình cấp nước; Quản lý việc sử dụng đất của các tổ chức khi xây dựng các công trình cấp nước dựa trên nhu cầu thực tế và yêu cầu phát triển từng giai đoạn theo quy hoạch cấp nước đã được phê duyệt;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các đơn vị cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh;

c) Tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn trên địa bàn tỉnh; thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về cấp nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Tổ chức thực hiện quan trắc, dự báo, cảnh báo về hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng, số lượng, chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

đ) Xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo quy định;

e) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ đánh giá chất lượng nước thô khai thác để sản xuất nước sạch đối với các đơn vị cấp nước;

g) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của nhà nước, của Ủy ban nhân dân tỉnh về khai thác, sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh; thực hiện nghiêm kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch khu vực nông thôn;

h) Phối hợp với Sở Tài chính, Thuế tỉnh đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh việc thu phí tài nguyên nước, phí nước thải theo quy định; phối hợp với Sở Tài chính trong việc hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị cấp nước thực hiện lập phương án giá nước theo quy định, thẩm định giá cụ thể giá nước sạch khu vực nông thôn; phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện về phát triển cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh;

i) Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung khu vực đô thị, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung; chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch cấp nước sạch khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về cấp nước đối với các công trình cấp nước sạch tập trung khu vực đô thị, khu công nghiệp nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về cấp nước; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển cấp nước khu vực đô thị và khu công nghiệp, điều chỉnh kịp thời phạm vi cấp nước của các công trình cấp nước sạch tập trung khu vực đô thị.

c) Phối hợp với Sở Tài chính trong việc hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị cấp nước thực hiện lập phương án giá nước theo quy định, thẩm định giá cụ thể giá nước sạch đối với khu vực đô thị, khu vực công nghiệp, du lịch, khu vực nông thôn được quy hoạch thành đô thị, khu vực nông thôn cận đô thị không được quy hoạch thành đô thị nhưng đảm bảo điều kiện để mở rộng mạng lưới cấp nước; thẩm định hỗ trợ đầu tư đối với các dự án cấp nước sạch tập trung tại đô thị.

d) Hướng dẫn việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh;

đ) Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình đảm bảo cấp nước an toàn khu vực đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng;

e) Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất hình hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh về Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Sở Y tế là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sức khỏe cộng đồng, có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, phổ biến áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định của ngành Y tế liên quan đến các hoạt động cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra và giám sát chất lượng nước sạch của các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn theo quy định của Bộ Y tế;

c) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT.

d) Tiếp nhận bản công bố hợp quy của các đơn vị cấp nước.

đ) Tổng hợp, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả chất lượng nước của các công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, trong đó bao gồm các dự án đầu tư phát triển cấp nước;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh; thẩm định giá nước tối đa, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức kiểm tra việc thực hiện quyết định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh; phương án cấp bù giá nước từ ngân sách tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung; hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách đầu nối sử dụng nước, mua nước sạch;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành lập danh mục các công trình cấp nước và xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư liên quan đến hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu thụ nước sạch, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh; thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh;

đ) Hướng dẫn và thực hiện quyết toán, đánh giá tài sản đối với các công trình cấp nước sạch do doanh nghiệp nhà nước quản lý;

e) Hướng dẫn các đơn vị cấp nước thực hiện việc quản lý và sử dụng nguồn khấu hao công trình cấp nước thuộc nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước theo quy định.

5. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Giám sát, hướng dẫn việc thực hiện hợp đồng lao động của các đơn vị cấp nước và các chế độ, chính sách của người lao động làm việc cho các đơn vị cấp nước;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật lao động, an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội của các doanh nghiệp, đơn vị cấp nước cũng như việc thực hiện các chế độ, quyền lợi của người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp, đơn vị.

6. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

Nghiên cứu, thẩm định các dây chuyền công nghệ mới trong xử lý nước và quản lý, khai thác, bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung theo quy định.

7. Công an tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ, công an các xã, phường phối hợp với các sở, ngành, chính quyền địa phương, các đơn vị cấp nước phòng ngừa, phát hiện, điều tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi gây ô nhiễm nguồn nước; an toàn, an ninh nguồn nước, hệ thống công trình cung cấp nước sạch cho người dân theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với các đơn vị quản lý, vận hành hệ thống cấp nước PCCC xây dựng phương án quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước PCCC; lực lượng PCCC chịu trách nhiệm quản lý hệ thống các họng cứu hỏa; dự kiến kế hoạch sử dụng nước cần thiết cho công tác PCCC hằng năm và xác nhận số lượng nước đã sử dụng cho công tác PCCC từ hệ thống cấp nước làm cơ sở thanh toán tiền sử dụng nước thực tế cho đơn vị cấp nước.

8. Sở Công thương có trách nhiệm:

Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị cấp nước đảm bảo quyền lợi của khách hàng sử dụng nước sạch theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quy định của pháp luật có liên quan.

9. Thuế tỉnh có trách nhiệm:

Hướng dẫn các đơn vị cấp nước thực hiện các nghĩa vụ về thuế đối với nhà nước, các thủ tục để được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, tiền thuê đất theo quy định.

10. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, vận động người dân sử dụng nước tiết kiệm và bảo vệ các công trình cấp nước;

b) Chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng, các dự án công trình hạ tầng cấp nước trên địa bàn, kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án cấp nước; chỉ đạo các chủ đầu tư, đơn vị thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật (đặc biệt là các công trình giao thông) trên địa

bàn phối hợp và hỗ trợ các đơn vị cấp nước trong việc bảo vệ, dịch chuyển đường ống cấp nước đảm bảo cấp nước an toàn;

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ với các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn; giám sát hoạt động cung cấp nước theo thỏa thuận đã ký.

d) Chủ trì kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về cấp nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện vai trò đối với cấp nước an toàn theo quy định của Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc bảo vệ hệ thống cấp nước, xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa; kiểm tra, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước trên địa bàn; tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước trên địa bàn.

g) Báo cáo đột xuất khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và báo cáo định kỳ về cấp nước an toàn theo quy định.

Điều 25. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước

1. Sản xuất, kinh doanh nước sạch theo phân vùng được cấp, theo quy hoạch được duyệt; nghiêm chỉnh chấp hành quy định của nhà nước và các quy định của tỉnh về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh.

2. Lập và trình phương án giá nước, phương án điều chỉnh giá nước theo quy định hiện hành gửi sở ngành liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

3. Lập thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trình Ủy ban nhân dân xã, phường, Ban Quản lý khu Kinh tế và các khu công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, thực hiện đúng các nội dung cam kết đã thỏa thuận và theo hợp đồng dịch vụ cấp nước đã được ký kết với khách hàng sử dụng nước.

4. Lập kế hoạch cấp nước an toàn, xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch cấp nước an toàn, thực hiện nội dung về cấp nước an toàn theo quy định tại văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Cung cấp nước sạch đảm bảo theo quy chuẩn, tiêu chuẩn nước sạch hiện hành; chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng nước của mình.

6. Trang bị máy móc thiết bị xét nghiệm nước, thực hiện công tác quản lý chất lượng nước, chế độ nội kiểm, ngoại kiểm; báo cáo kết quả chất lượng nước theo quy định. Trường hợp không trang bị thiết bị xét nghiệm nước thì ký hợp đồng xét nghiệm nước với cơ quan, đơn vị hoặc các phòng xét nghiệm có đầy đủ chức năng theo quy định.

7. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và bảo vệ môi trường; bảo vệ an toàn nguồn nước, xây dựng đới phòng hộ vệ sinh khu vực lấy nước, hệ thống công trình cấp nước; kê khai và nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đúng, đủ theo quy định.

8. Phối hợp với Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy xây dựng phương án quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước PCCC.

9. Xây dựng phương án bảo vệ công trình, kế hoạch ứng phó các sự cố của công trình cấp nước sạch tập trung; tổ chức triển khai, thực hiện phương án bảo vệ công trình; thực hiện đúng các nội dung trong kế hoạch ứng phó các sự cố sau khi được phê duyệt.

10. Báo cáo đột xuất khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và định kỳ về tình hình sản xuất, kinh doanh nước sạch, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình cấp nước trên địa bàn về cơ quan quản lý chuyên ngành của tỉnh theo quy định.

Điều 26. Trách nhiệm của Hội Nước sạch

1. Vận động các thành viên trong Hội tăng cường công tác quản lý, khai thác, và bảo vệ hệ thống công trình cấp nước sạch tập trung, cung cấp đầy đủ nước sạch, đảm bảo chất lượng theo đúng quy trình vận hành.

2. Tuyên truyền, vận động các đơn vị cấp nước duy trì, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng nước sạch, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

3. Phối hợp với các cấp, ngành, cơ quan tuyên truyền nhân dân tăng cường sử dụng nước sạch để đảm bảo vệ sinh, sức khỏe... và nâng cao tinh thần, trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ hệ thống công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn.

Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khác và khách hàng sử dụng nước sạch

1. Ban quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, chủ đầu tư xây dựng công trình, đơn vị thi công công trình có trách nhiệm:

a) Thông báo tiến độ thi công các công trình ảnh hưởng đến hệ thống cấp nước sạch tập trung, đặc biệt là hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước sạch, hệ thống đường ống dẫn nước thô cho các đơn vị cấp nước để đơn vị cấp nước có kế hoạch vận hành, sản xuất phù hợp;

b) Chỉ đạo các đơn vị thi công phối kết hợp và hỗ trợ các đơn vị cấp nước trong việc đảm bảo cấp nước an toàn khi thi công công trình ảnh hưởng đến việc cấp nước.

c) Các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thi công công trình có ảnh hưởng đến hệ thống công trình cấp nước sạch tập trung phải khẩn trương phối kết hợp với đơn vị cấp nước và các cơ quan, đơn vị liên quan khắc phục sự cố và báo cáo kịp thời cho chính quyền địa phương.

2. Các khách hàng sử dụng nước sạch có trách nhiệm:

a) Tham gia bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung và sử dụng nước tiết kiệm;

b) Khi phát hiện công trình bị xâm hại, xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố thì người phát hiện có trách nhiệm ngăn chặn, khắc phục nếu có thể thực hiện được và báo ngay cho đơn vị quản lý, khai thác công trình, chính quyền địa phương để kịp thời xử lý;

c) Thực hiện đúng các nội dung cam kết đã thỏa thuận và theo Hợp đồng dịch vụ cấp nước đã được ký kết với đơn vị cấp nước sạch.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện quy định, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn thực hiện đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để bổ sung, điều chỉnh kịp thời./.